

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục ngành thạc sĩ được dự tuyển
đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý công và Chương trình bổ sung kiến thức**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 140/2002/QĐ-TTg ngày 18/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ cho Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 590/QĐ-HCQG ngày 28/3/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết nghị số 02/QN-HĐKHĐT ngày 25/8/2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện về Danh mục ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và Chương trình bổ sung kiến thức;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục ngành thạc sĩ được dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý công và Chương trình bổ sung kiến thức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 711/QĐ-HCQG ngày 30/3/2022 ban hành Danh mục ngành thạc sĩ được dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý công và Chương trình bổ sung kiến thức của Giám đốc Học viện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, các đơn vị và cá nhân tham gia tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Hành chính Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
 - Ban Giám đốc Học viện;
 - Các Khoa chuyên môn;
 - Văn phòng HV (để đăng Website);
 - Lưu: VT, SDH. (15 bản).
- } Để phối hợp thực hiện;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



Nguyễn Đăng Quế

**DANH MỤC NGÀNH THẠC SĨ ĐƯỢC DỰ TUYỂN
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC**

(Kèm theo Quyết định số 3353/QĐ-HCQG ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia)

I. Danh mục ngành đúng

TT	MÃ SỐ	TÊN NGÀNH	GHI CHÚ
1	8 340403	Quản lý công	
2	60 348201	Quản lý Hành chính công	
3		Hành chính công	Bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp

II. Danh mục ngành phù hợp

1. Nhóm 1: các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và Hành vi, Kinh doanh và Quản lý, Pháp luật

Gồm 48 các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (Mã số 831), Kinh doanh và Quản lý (Mã số 834), Pháp luật (Mã số 838) theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	MÃ SỐ	TÊN NGÀNH	GHI CHÚ
	831	Khoa học xã hội và hành vi	
	83101	Kinh tế học	
1	8310101	Kinh tế học	
2	8310102	Kinh tế chính trị	
3	8310104	Kinh tế đầu tư	
4	8310105	Kinh tế phát triển	
5	8310106	Kinh tế quốc tế	
6	8310107	Thống kê kinh tế	
7	8310108	Toán kinh tế	
8	8310110	Quản lý kinh tế	
	83102	Khoa học chính trị	
9	8310201	Chính trị học	
10	8310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	
11	8310204	Hồ Chí Minh học	
12	8310206	Quan hệ quốc tế	

	83103	Xã hội học và Nhân học	
13	8310301	Xã hội học	
14	8310302	Nhân học	
15	8310310	Dân tộc học	
16	8310313	Phát triển bền vững	
17	8310315	Phát triển con người	
18	8310317	Quyền con người	
	83104	Tâm lý học	
19	8310401	Tâm lý học	
20	8310402	Tâm lý học lâm sàng	Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022
	83105	Địa lý học	
21	8310501	Địa lý học	
	83106	Khu vực học	
22	8310601	Quốc tế học	
23	8310602	Châu Á học	
24	8310608	Đông phương học	
25	8310612	Trung Quốc học	
26	8310613	Nhật Bản học	
27	8310620	Đông Nam Á học	
28	8310630	Việt Nam học	
	834	Kinh doanh và quản lý	
	83401	Kinh doanh	
29	8340101	Quản trị kinh doanh	
30	8340121	Kinh doanh thương mại	
	83402	Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm	
31	8340201	Tài chính - Ngân hàng	
32	8340204	Bảo hiểm	
	83403	Kế toán - Kiểm toán	
33	8340301	Kế toán	
	83404	Quản trị - Quản lý	
34	8340401	Khoa học quản lý	
35	8340402	Chính sách công	

36	8340404	Quản trị nhân lực	
37	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
38	8340406	Quản trị văn phòng	
39	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
40	8340417	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
	838	Pháp luật	
41	8380101	Luật	Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022
42	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	
43	8380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
44	8380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
45	8380105	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	
46	8380106	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	
47	8380107	Luật kinh tế	
48	8380108	Luật quốc tế	

Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành này nếu trúng tuyển phải học bổ sung khối lượng kiến thức gồm 10 tín chỉ kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Quản lý công hiện hành.

2. Nhóm 2: các ngành quản lý, quản trị lĩnh vực

Gồm 23 ngành quản lý, quản trị thuộc các lĩnh vực khác (theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

TT	MÃ SỐ	TÊN NGÀNH	GHI CHÚ
1	8140114	Quản lý giáo dục	
2	8229042	Quản lý văn hóa	
3	8480204	Quản lý công nghệ thông tin	
4	8480205	Quản lý Hệ thống thông tin	
5	8510601	Quản lý công nghiệp	
6	8510602	Quản lý năng lượng	
7	8510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
8	8580106	Quản lý đô thị và công trình	
9	8580302	Quản lý xây dựng	
10	8620211	Quản lý tài nguyên rừng	
11	8620305	Quản lý thủy sản	

12	8720412	Tổ chức quản lý được	
13	8720801	Quản lý Y tế	
14	8720802	Quản lý bệnh viện	
15	8810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
16	8810301	Quản lý thể dục thể thao	
17	8840103	Tổ chức và quản lý vận tải	
18	8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	
19	8850103	Quản lý đất đai	
20	8850104	Quản lý biển đảo và đới bờ	
21	8860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
22	8860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông	
23	8860216	Quản lý biên giới và cửa khẩu	

Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành này nếu trúng tuyển phải học bổ sung khối lượng kiến thức gồm 14 tín chỉ kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Quản lý công hiện hành.

3. Nhóm 3: trường hợp đặc biệt

Đối với trường hợp có bằng thạc sĩ không thuộc các ngành trong danh mục trên, Giám đốc Học viện sẽ xem xét, quyết định nếu thí sinh đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ngoài kinh nghiệm nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 590/QĐ-HCQG ngày 28/3/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia còn cần có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước chấm điểm từ 0,5 trở lên trong thời gian 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

b) Được Hội đồng Khoa học – Đào tạo Học viện đồng ý.

Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành này nếu trúng tuyển phải học chương trình bổ sung kiến thức bao gồm các học phần kiến thức cơ sở và các học phần kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Quản lý công hiện hành.